

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 22-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trí;
- Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quách Thuận An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-DS ngày 06/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh H (Tín A), sinh năm 1980 – Chủ hộ kinh doanh Huỳnh H; địa chỉ: số D, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lý Thị S (Hai V), sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, ông Huỳnh H trình bày: Ông là chủ đại lý vật tư nông nghiệp Huỳnh H, khoảng đầu năm 2013 ông có bán tới có bán vật tư nông nghiệp cho bà Lý Thị S để canh tác lúa, rau màu. Việc mua bán không có làm hợp đồng chỉ nói miệng và ghi vào sổ theo dõi mua bán mỗi bên giữ một sổ (trong sổ theo dõi mua bán ông để người mua là bà Hai V) vì ở địa phương thường hay gọi tên của bà như vậy. Lúc mua bán hai bên có thỏa thuận đến cuối vụ (khoảng 04 tháng) thì bên

mua phải có nghĩa vụ trả tiền đủ cho bên bán. Việc mua bán đến ngày 09/10/2013 thì ngưng mua bán nữa. Tổng kết sổ bà S nợ ông tổng tiền vật tư nông nghiệp là 15.166.000 đồng. Ông có đòi nhiều lần nhưng bà S hứa mà không trả. Đến năm 2020 ông có gửi đơn thưa đến ban N, xã L nhờ giải quyết. Ban nhân dân ấp có mời hai bên đến để hòa giải tranh chấp theo đơn thưa của ông. Tại buổi hòa giải bà S thừa nhận nợ ông tiền mua vật tư nông nghiệp 15.166.000 đồng yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và đồng ý trả lãi cho ông. Tuy nhiên, sau khi hòa giải thì bà S không trả nợ gốc cũng như lãi theo thỏa thuận. Ông có yêu cầu ban ấp L tiếp tục hòa giải. Sau đó ban N nhiều lần mời bà S đến để hòa giải nhưng bà có tình vắng mặt không đến tham gia hòa giải. Nay ông yêu cầu bà Lý Thị S trả lại cho ông tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu 15.166.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 09/10/2013 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông Huỳnh H1 yêu cầu bà Lý Thị S trả tiền mua vật tư nông nghiệp 15.166.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lý Thị S trình bày: Khoảng năm 2013, bà có mua vật tư nông nghiệp của ông Huỳnh H để canh tác rau màu, việc mua bán không có làm hợp đồng chỉ nói miệng với nhau và ghi vào sổ theo dõi. Lúc mua bán hai bên có thỏa thuận khoảng 04 tháng sẽ trả tiền đủ cho ông H. Hai bên mua bán đến tháng 10/2013 thì không mua bán nữa. Tổng kết sổ lại bà nợ ông H tổng cộng 15.166.000 đồng. Do công việc làm ăn thất bại bà không có tiền trả cho ông H đúng hạn. Trước đây vào năm 2020 ông H có thưa bà tại ban ấp L. Tại buổi hòa giải bà thừa nhận nợ ông H số tiền mua bán 15.166.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, do không có tiền nên bà không trả cho ông H đúng hạn. Nay bà thừa nhận còn nợ ông H số tiền vật tư nông nghiệp 15.166.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn bà yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ còn lãi thì xin không trả.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa.

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Ông Huỳnh Hiền t khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Bà **Lý Thị S** từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa có yêu cầu xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề xuất:

Công nhận hợp đồng mua bán tài sản giữa ông **Huỳnh H** với bà **Lý Thị S**.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Hiền**.

- Buộc bà **Lý Thị S** trả cho ông **Huỳnh H** tiền vật tư nông nghiệp 15.166.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông **Huỳnh H** đối với bà **Lý Thị S**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bà **Lý Thị S**. Bà **S** có nơi cư trú tại **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà **Lý Thị S** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà **S**.

[2] Về quan hệ tranh chấp, tại đơn khởi kiện và các lời khai của các bên thừa nhận có mua bán vật tư nông nghiệp để canh tác lúa. Do đó, vụ án được xác định là tranh chấp giao dịch dân sự về “hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Năm 2013 ông **H** có bán vật tư nông nghiệp cho bà **Lý Thị S** để canh tác rau màu. Việc mua bán không có làm hợp đồng chỉ nói miệng với nhau và ghi vào sổ theo dõi mua bán mỗi bên giữ một sổ. Lúc mua bán hai bên có thỏa thuận đến cuối vụ khoảng 04 tháng thì bên mua phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên bán đầy đủ. Việc mua bán đến 10/2013 thì không mua bán nữa. Tổng kết sổ Sums nợ ông **H** tổng tiền vật tư nông nghiệp là 15.166.000 đồng. Ông có đòi nhiều lần nhưng bà **S** chỉ hứa mà không trả. Do đó, ông **H** yêu cầu bà **S** trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu 15.166.000 đồng.

[3.2]. Bà **Lý Thị S** thừa nhận hiện nay bà còn nợ ông **H** số tiền vật tư nông nghiệp 165.166.000 đồng như ông **H** trình bày. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn làm ăn thua lỗ không có tiền trả đúng hẹn, nay bà yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[3.3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng mua bán hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do bà **S** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông **H** yêu cầu bà **S** trả tiền vật tư nông nghiệp 15.166.000 đồng. Căn cứ theo hợp đồng và lời thừa nhận đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà **S** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên mua theo hợp đồng, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên bán. Do đó, ông **Huỳnh H** khởi kiện bà **Lý Thị S** trả tiền nợ mua bán 15.166.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với việc bà **S** yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ này bà **S** thiếu đã lâu nay lại kéo dài thời gian trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông **H**, hơn nữa yêu cầu của bà **S** không được ông **H** đồng ý. Do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà **S**.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa ông **Huỳnh H** xin rút lại yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện rút yêu cầu của ông **H**, do đó Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của ông **H**.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà **Lý Thị S** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông **Huỳnh H** nên bà phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Do yêu cầu của ông **Huỳnh H** được chấp nhận do đó ông được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh H**.

Buộc bà **Lý Thị S** (**H**) có nghĩa vụ trả cho ông **Huỳnh H** số tiền mua vật tư nông 15.166.000 (mười lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông **Huỳnh H** đối với bà **Lý Thị S**.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Lý Thị S** phải chịu 758.000đ (bảy trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

Ông **Huỳnh H** được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 379.000 (ba trăm bảy mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014711 ngày 01/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A1 trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH T).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: